

Bản án số 08/2025/DS-ST
Ngày 18 tháng 7 năm 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thân và ông Phạm Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 3 - Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Lê Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2025/TLST-DS ngày 03 tháng
4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 105/2025/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn
phiên tòa số 105/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S.** Trụ sở: 266 - B N, phường H, quận C,
Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Đình H, chức vụ:
Chuyên viên khách hàng; địa chỉ: B Ông Í, phường H, thành phố Đà Nẵng. Theo Giấy
uỷ quyền số 12/2025/UQ-PGDCC ngày 27/2/2025, có mặt

- *Bị đơn:* Bà **Trần Mỹ H1**, sinh năm: 1988; địa chỉ: K Ông Í, phường T
(phường T cũ), thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án,
đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Đặng Đình H trình bày:*

Ngày 13/04/2016, bà Trần Mỹ H1 có ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề
nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và
sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của bà Trần Mỹ H1, Ngân
hàng đã cấp hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau
khi được cấp tín dụng bà Trần Mỹ H1 đã thực hiện 107 giao dịch với tổng số tiền là
88.427.785 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 31/07/2024, bà Trần Mỹ H1
đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 107.457.818 đồng. Trong đó: Phí trễ
hạn: 1.140.000 đồng, lãi: 26.292.620 đồng, P vượt hạn mức: 850.000 đồng và phí
khác: 5.219.000 đồng và gốc 73.956.198 đồng.

Đến ngày 30/11/2024, bà Trần Mỹ H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Trần Mỹ H1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Trần Mỹ H1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Trần Mỹ H1 vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Toà án buộc bà Trần Mỹ H1 phải thanh toán cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/07/2025 là 18.414.627 đồng, trong đó dư nợ quá hạn là 3.985.309 đồng, lãi quá hạn là 4.429.318 đồng và buộc bà Trần Mỹ H1 phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 18/8/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định trong hợp đồng đã ký.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Mỹ H1 thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 17/7/2025 là 18.414.627 đồng, trong đó dư nợ quá hạn 3.985.309 đồng, lãi quá hạn 4.429.318 đồng và bà Trần Mỹ H1 phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 17/7/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định trong hợp đồng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như các thông báo của Tòa án cho bà Trần Mỹ H1 nhưng bà Trần Mỹ H1 không đến Tòa án để làm việc và không gửi ý kiến về các nội dung liên quan đến việc khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S với bị đơn bà Trần Mỹ H1 là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn phường T, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Trần Mỹ H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S thì thấy:

Ngày 13/4/2016, bà Trần Mỹ H1 có ký với Ngân hàng TMCP S 01 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà Trần Mỹ H1, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Như vậy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Trần Mỹ H1 thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng và phải có nghĩa vụ thực hiện các cam kết trên.

Sau khi được cấp tín dụng bà Trần Mỹ H1 đã thực hiện 107 giao dịch với tổng số tiền là 88.427.785 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tính đến ngày 31/07/2024, bà Trần Mỹ H1 đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 107.457.818 đồng. Đến ngày 30/11/2024, bà Trần Mỹ H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Trần Mỹ H1 và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17.7.2025, bà H2 còn nợ số tiền 18.414.627 đồng, trong đó dư nợ quá hạn 3.985.309 đồng, lãi quá hạn 4.429.318. Như vậy, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong hợp đồng dân sự, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà H1 phải trả số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng Đồng thời bà Trần Mỹ H1 phải xóa nghĩa vụ tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 18/7/2025 cho đến khi trả hết số nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

[3] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bà Trần Mỹ H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 18.414.627 đồng x 5% = 920.500đ

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP S đối với bà Trần Mỹ H1.

2. Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* **Xử:** Buộc Trần Mỹ H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 17.7.2025 là 18.414.627 đồng, trong đó dư nợ quá hạn là 3.985.309 đồng, lãi quá hạn là 4.429.318đ.

Lãi tiếp tục được tính trên số tiền gốc còn phải thi hành án kể từ ngày 18.7.2025 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13.4.2016 mà các bên đã ký kết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 920.500đ, bà Trần Mỹ H1 phải chịu.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 397.504 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006315 ngày 02.4.2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường

